

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/ HS - ST

Ngày 07 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Quang Chương

Ông Bùi Quang Uyên:

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/TLST-HS ngày 19/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HS ngày 24/8/2018 đối với bị cáo:

Bản văn L – Sinh ngày: 16/6/1991 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Bản Văn A; Sinh năm: 1971; Con bà Đặng Thị Thủy; Sinh năm: 1971

Đều trú tại: Thôn Đ2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai .

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam giữ ngày 07/5/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giam giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Bản văn L là bà Trần Thị Chinh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ trụ sở: Số 075, đường Thanh Niên, Phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

1. Chị Bản Thị X; Sinh năm: 1981.

Trú tại: Thôn T1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1990 và anh Phạm Văn B; Sinh năm: 1986.

Đều trú tại : Thôn Làng Đào 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T là anh Phạm Văn B - Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

3. Chị Đặng Thị M; Sinh năm: 1984 và anh Lý Thành C; Sinh năm: 1982.

Đều trú tại: Thôn T1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị M là anh Lý Thành C - Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

4. Chị Bàn Thị L; Sinh năm: 1986 và anh Phan Văn T; Sinh năm: 1986.

Đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại Phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Trường trung học cơ sở xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện Theo pháp luật: Ông Vũ Quốc T - Chức vụ: Hiệu trưởng - Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Những người làm chứng: Anh Nguyễn K, anh Bàn Văn A - Đều mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2017 đến ngày 21/4/2018 Bàn văn L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Lào Cai cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 23/12/2017, Bàn văn L Điều khiển xe máy BKS 24Y1-0766 đi từ nhà ở Thôn Đ2, xã T, huyện B đến trường trung học cơ sở xã T, quan sát thấy nhà trường không có ai bảo vệ trông coi. Bàn văn L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Bàn văn L dừng xe cách trường khoảng 100m rồi đi bộ vào trường học, khi đi qua cầu thang Bàn văn L quan sát thấy dưới chân cầu thang có 01 phòng có cánh cửa bằng khung nhôm, Bàn văn L đã dùng cửa sắt mang theo từ trước để cắt khóa và vào trong phòng lấy được 01 cây máy tính và 02 màn hình máy tính nhãn hiệu Sam Sung. Sau khi lấy được tài sản trên bị cáo đã dùng xe máy BKS 24Y1 - 0766 chở cây vi tính cùng 02 màn hình vi tính lên thành phố Lào Cai bán cho một người phụ nữ không quen biết được 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền này Bàn văn L đã sử dụng hết vào việc mua ma túy để phục vụ cho bản thân.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 19/01/2018 do không có tiền mua ma túy để sử dụng Bàn văn L đã mang theo 01 chiếc cuốn chim của gia đình và đi theo đường đồi từ nhà sang nhà chị Bàn Thị X là người có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ2, xã T, huyện B. Khi đến nơi Bàn văn L lật vách liếp nhà chị Bàn Thị X tạo khoảng trống, sau đó Bàn văn L chui vào bên trong nhà thì thấy có một két sắt để ở cuối chân giường, Bàn văn L nghi bên trong có tài sản có giá trị, nên Bàn văn L đã lấy chiếc gối để trên giường đặt xuống đất rồi lật úp két sắt lên gối, sau đó bị cáo dùng chiếc cuốn chim bở nhiều nhát vào mặt sau két sắt tạo ra

một lỗ thủng rồi bị cáo thò tay vào bên trong kết lấy ra được một số đồ nữ trang của dân tộc Dao và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Sau khi lấy được tài sản bị cáo lật chiếc kết sắt và để chiếc gối vào vị trí ban đầu. Tiếp đó bị cáo quan sát thấy trên cột nhà chị Bàn Thị X có treo 01 chiếc túi sách, bị cáo đã lục tìm trong túi lấy được số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi lấy được tài sản bị cáo cầm cuốc chim đi theo lối cũ ra ngoài lên đồi gần nhà chị X để kiểm tra số đồ dùng nữ trang. Sau khi kiểm tra bị cáo thấy khó tiêu thụ đồ nữ trang nên bị cáo đã dùng bật lửa đốt hết số đồ nữ trang này, đốt xong bị cáo dùng đất phủ lên rồi đi về nhà. Số tiền bị cáo chiếm đoạt được của chị Bàn Thị X bị cáo đã dùng mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 23/01/2018 do không có tiền mua ma túy để sử dụng bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Phạm Văn B là người có hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Đào 1, xã T, huyện B. Sau đó bị cáo đi bộ từ nhà theo lối tắt qua đồi đến nhà anh Phạm Văn B, thấy không có ai ở nhà, bị cáo đi qua sân vào lối gian giữa bếp và nhà, đến vị trí cạnh bếp củi bị cáo thấy 01 con dao phay, bị cáo cầm theo con dao đến vị trí cửa sổ bằng gỗ rồi dùng dao chặt đứt 03 song cửa gỗ và dùng tay rút 02 thanh song ra khỏi thanh ngang đồng thời bị cáo chui vào bên trong nhà, đến phòng ngủ của vợ chồng anh Phạm Văn B thấy cửa phòng bị khóa, bị cáo quay lại để tìm dụng cụ phá khóa thì thấy ở góc nhà dựng 01 chiếc búa tạ có cán bằng nhựa màu xanh của gia đình anh Phạm Văn B, bị cáo dùng búa tạ đập 02 phát vào nắm tay cửa, cửa bung ra. Bị cáo vào trong phòng thì thấy chiếc kết sắt cấm sẵn chìa khóa, cánh cửa kết mở hờ, bị cáo dùng tay mở ra thì thấy bên trong kết có tiền mặt và 01 con lợn tiết kiệm bằng thạch cao. Bị cáo lấy toàn bộ tiền trong kết và đập vỡ con lợn lấy toàn bộ số tiền bên trong. Ngoài ra bị cáo còn lục tìm lấy được 02 chiếc lắc tay bằng bạc để dưới ga giường. Sau khi lấy được tài sản bị cáo đi theo lối cũ ra ngoài, về nhà bị cáo bỏ tiền ra đếm được 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), 02 chiếc lắc tay bằng bạc bị cáo đã bán cho một người phụ nữ không quen biết tại phường Kim Tân thành phố Lào Cai được 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền bị cáo lấy được và tiền bán lắc tay bằng bạc bị cáo đã mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 8 giờ ngày 21/4/2018 Bị cáo điều khiển xe máy BKS 24Y1-0766 đi theo đường liên Thôn T1, xã T với mục đích đi xem dâu có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà anh Lý Thành C thuộc Thôn T1, xã T, bị cáo quan sát thấy không có ai ở nhà, bị cáo đi xe máy vào trong sân, quay đầu xe sẵn hướng ra bên ngoài, sau đó vào mở cửa gỗ bên trái bếp, đi vào vị trí bếp ga và tháo bình ga loại TD. PETRO 12 kg của gia đình anh Lý Thành C, sau đó dùng xe máy chở bình ga ra cửa hàng ga Khôi Hương ở Thôn L, xã X, huyện B bán chiếc bình ga được 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018. Sau khi bán được bình ga của anh Lý Thành C, bị cáo đến nhà chị gái ruột là Bàn Thị L ở Thôn C, xã P, huyện B để ăn tết thanh minh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày lợi dụng sự sơ hở khi mọi người đang ăn cơm, bị cáo đã xuống bếp lấy trộm bình ga loại TPH.

PETRO 12 kg của gia đình chị Bàn Thị L rồi dùng xe máy BKS 24Y1-0766 chở đến cửa hàng ga Khôi Hương ở Thôn L, xã X, huyện B để bán. Do nghi ngờ là tài sản trộm cắp nên anh Nguyễn Văn K đã trình báo lực lượng công an đến làm việc. Qua đấu tranh bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp bình ga của gia đình chị Bàn Thị L và các hành vi trộm cắp trước đó của bản thân.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KL - HĐĐG ngày 07/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

- 01 bình ga TD.PETRO màu tím của gia đình anh Lý Thành C có trị giá là 564.000đ (Năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng);

- 01 bình ga TPH.PETRO màu hồng của gia đình chị Bàn Thị L có giá trị là 538.000đ (Năm trăm ba mươi tám nghìn đồng);

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 19/KL-HĐĐG ngày 11/6/2018 của hội đồng định giá huyện B kết luận:

- 03 bộ trang phục người Dao của chị Bàn Thị X bị cáo đã chiếm đoạt mang lên đồi đốt có tổng trị giá là 3.975.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng);

- 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp K40 của chị Bàn Thị X (Do bị cáo Bàn văn L phá hỏng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội) có trị giá là 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng);

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL-HĐĐG ngày 15/6/2018 của hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

- 01 con lợn tiết kiệm bằng thạch cao do bị cáo Bàn văn L đập vỡ của anh Phạm Văn B trị giá là 55.300đ (Năm mươi năm nghìn ba trăm đồng); 01 lắc tay trẻ em bằng kim loại bạc có trị giá là 276.500đ (Hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng); 01 lắc tay người lớn bằng kim loại bạc có trị giá là 474.000đ (Bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 18/6/2018 của hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 cây máy tính để bàn loại CMS màu đen, chip 2030, ram 2GB, ổ cứng 250GB, Main Foxcom H81 có trị giá là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng); 02 màn hình máy tính để bàn loại Sam Sung 19 inh màu đen có tổng trị giá là 880.000đ (Tám trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng thiệt hại của trường trung học cơ sở xã T là 2.860.000đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, nguyên đơn dân sự có tổng trị giá là 22.887.500đ (Hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 18/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Bàn văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bàn văn L và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bàn văn L phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, r, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra nguyên đơn dân sự là trường trung học cơ sở xã T có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho nhà trường số tiền là 2.860.000đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường đầy đủ số tiền trên. Đến nay nhà trường không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác. Nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Đối với các bị hại chị Bàn Thị L và anh Lý Thành C đã được cơ quan điều tra công an huyện B trả lại tài sản là 02 chiếc bình ga theo biên bản về việc trả lại tài liệu đồ vật ngày 28/6/2018. Đến nay chị Bàn Thị L và anh Lý Thành C đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Đối với bị hại chị Bàn Thị X có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) trong đó có 2.200.000đ là tiền mặt; 3.975.000đ là trị giá của 03 bộ nữ trang cưới truyền thống và 1.425.000đ tiền trị giá chiếc kết sắt do bị cáo đã phá hủy không còn giá trị sử dụng. Đối với bị hại anh Phạm Văn B yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt không thu hồi được là 12.805.800đ (Mười hai triệu tám trăm linh năm nghìn, tám trăm đồng) trong đó có 8.000.000đ để trong kết sắt; 4.000.000đ tiền tiết kiệm trong con lợn thạch cao và 750.500đ trị giá của 02 chiếc lắc tay bằng bạc và 55.300đ tiền trị giá con lợn bằng thạch cao.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Bàn Thị X số tiền là 7.600.000đ và bồi thường cho anh Phạm Văn B số tiền là 12.805.800đ.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc xe máy Wave S màu đỏ sẫm BKS 24Y1-0766; 01 chiếc cốc chim dài 72 cm, phần lưỡi cốc bằng sắt dài 42 cm, cán bằng gỗ dài 65,5 cm. Quá trình điều tra xác định tài sản này là thuộc sở hữu của vợ chồng ông Bàn Văn A (Là bố đẻ bị cáo). Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản trên cho ông Bàn Văn A theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/6/2018. Nay ông Bàn Văn A không có ý kiến gì. Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

- 01 con dao phay cán gỗ dài 12 cm có hai khuy sắt đóng ở hai đầu, phần lưỡi dao chỗ rộng nhất 7 cm, đầu lưỡi dao có một lỗ tròn đường kính 01 cm; 01 búa tạ cán bằng nhựa màu xanh có chiều dài 92 cm, đường kính 03 cm, thân búa có kích thước 5cm x 15cm. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản trên cho anh Phạm Văn B theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 28/6/2018. Nay anh Phạm Văn B không có ý kiến gì. Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

- Đối với 01 cửa sắt bị cáo Bàn văn L đã dùng đồ cửa khóa cửa tại trường trung học cơ sở xã T, bị cáo khai sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã vớt ở bên trái đường tỉnh lộ 153 trên đường đi lên huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo Bàn văn L trình bày, phân tích đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, r, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Bàn văn L từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát là bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Bàn Thị X số tiền 7.600.000đ và bồi thường cho anh Phạm Văn B số tiền là 12.805.800đ.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Lào Cai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhiều gia đình đem đi bán lấy tiền để phục vụ cho nhu cầu của bản thân củ thể: **Vụ thứ nhất:** Ngày 23/12/2017, Bàn văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của trường trung học cơ sở xã T gồm 01 cây máy tính và 02 màn hình máy tính nhãn hiệu Sam Sung. Sau khi lấy được tài sản trên bị cáo đã dùng xe chuyển lên thành phố Lào Cai bán cho một người phụ nữ không quen biết được 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền này Bàn văn L đã sử dụng hết vào việc mua

ma túy để phục vụ cho bản thân. Theo giá của hội đồng định giá huyện B đã định là 2.860.000đ.

Vụ thứ hai: Ngày 19/01/2018 Bàn văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Bàn Thị X và chiếm đoạt được 03 bộ đồ nữ trang của dân tộc Dao trị giá theo giá của hội đồng định giá huyện B là 3.975.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng) và số tiền mặt là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi lấy được tài sản bị cáo lên đồi gần nhà chị X để kiểm tra số đồ dùng nữ trang. Sau khi kiểm tra bị cáo thấy khó tiêu thụ đồ nữ trang nên bị cáo đã dùng bật lửa đốt hết số đồ nữ trang này, đốt xong bị cáo dùng đất phủ lên rồi đi về nhà. Số tiền bị cáo chiếm đoạt được của chị Bàn Thị X bị cáo đã dùng mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết. Ngoài ra bị cáo còn phá hủy 01 kết sắt Việt tiếp K40 của chị Bàn Thị X có trị giá theo kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản huyện B là 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng). Như vậy tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và gây thiệt hại cho chị Bàn Thị X là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Ngày 23/01/2018 bị cáo Bàn văn L đột nhập vào gia đình anh Phạm Văn B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã chiếm đoạt của gia đình anh Phạm Văn B số tiền mặt là 12.000.000đ, 02 chiếc lắc tay bằng bạc trị giá theo giá của hội đồng định giá huyện B là 750.500đ, ngoài ra bị cáo còn đập vỡ 01 con lợn tiết kiệm bằng thạch cao của anh Phạm Văn B có trị giá theo giá của hội đồng định giá huyện B là 55.300đ. Như vậy tổng số tài sản bị cáo chiếm đoạt và gây thiệt hại cho gia đình anh Phạm Văn B là 12.805.800đ (Mười hai triệu tám trăm linh năm nghìn, tám trăm đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 8 giờ ngày 21/4/2018 Bị cáo Bàn văn L điều khiển xe máy BKS 24Y1-0766 đi theo đường liên Thôn T1, xã T Khi đi qua nhà anh Lý Thành C, bị cáo quan sát thấy không có ai ở nhà, bị cáo đi xe máy vào trong sân, quay đầu xe sẵn hướng ra bên ngoài, sau đó vào mở cửa gỗ bên trái bếp thực hiện hành vi trộm cắp 01 bình ga loại TD. PETRO 12 kg của gia đình anh Lý Thành C trị giá theo giá của hội đồng định giá huyện B kết luận là 564.000đ. Sau khi trộm cắp được bình ga của anh Lý Thành C bị cáo đã dùng xe máy chở bình ga ra cửa hàng ga Khôi Hương ở Thôn L, xã X, huyện B bán chiếc bình ga được 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018. Sau khi bán được bình ga của anh Lý Thành C, bị cáo đến nhà chị gái ruột là Bàn Thị L ở thôn Cốc Toòng xã phong Niên huyện B để ăn tết thanh minh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày lợi dụng sự sơ hở khi mọi người đang ăn cơm, bị cáo đã xuống bếp lấy trộm bình ga loại TPH. PETRO 12 kg của gia đình chị Bàn Thị L rồi dùng xe máy BKS 24Y1-0766 chở đến cửa hàng ga Khôi Hương ở Thôn L, xã X, huyện B để bán. Do nghi ngờ là tài sản trộm cắp nên anh Nguyễn Văn K đã trình báo lực lượng công an đến làm việc. Qua đấu tranh bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp bình ga của gia đình chị Bàn Thị L và các hành vi trộm cắp trước đó của bản thân.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18/KL - HĐĐG ngày 07/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 bình ga

TPH.PETRO màu hồng của gia đình chị Bàn Thị L có giá trị là 538.000đ (Năm trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại chị Bàn Thị X; Anh Lý Thành C; Anh Phạm Văn B; Chị Bàn Thị L; Nguyên đơn dân sự là trường trung học cơ sở xã T có tổng trị giá là 22.887.500đ (Hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Ngoài số tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, nguyên đơn dân sự thì trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo còn gây thiệt hại về tài sản là 01 chiếc kết sắt của chị Bàn Thị X trị giá 1.425.000đ và gây thiệt hại cho anh Phạm Văn B 01 con lợn tiết kiệm bằng thạch cao trị giá 55.300đ.

Quá trình điều tra Bàn văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bàn văn L đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặt khác ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại huyện B thì bị cáo còn khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên các địa bàn huyện Bát Xát, thành phố Lào Cai, huyện Bắc Hà, huyện Si Ma Cai của tỉnh Lào Cai. Hiện tại các vụ việc này đã được cơ quan tiến hành tố tụng ở các địa phương nêu trên giải quyết và xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy đối với bị cáo cần phải xử lý bị cáo và lên một mức án phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Bàn văn L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là "Phạm tội 02 lần trở lên".

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Bàn văn L có 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, h, r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 đó là bị cáo đã tích cực tác động với gia đình bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả; Gây thiệt hại không lớn; Người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 là người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thể hiện tính khoan hồng của nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, bản thân là đối tượng nghiện chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Liên quan trong vụ án còn có anh Nguyễn Văn K; Sinh năm: 1971, trú tại Thôn L, xã X, huyện B là người đã mua 01 bình ga do Bàn văn L trộm cắp. Tại thời điểm mua bán bình ga do anh Nguyễn Văn K không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với anh Nguyễn Văn K. Xét thấy là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra nguyên đơn dân sự là trường trung học cơ sở xã T có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho nhà trường số tiền là 2.860.000đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường đầy đủ số tiền trên. Đến nay nhà trường không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác. Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

Đối với các bị hại chị Bàn Thị L và anh Lý Thành C đã được cơ quan điều tra công an huyện B trả lại tài sản là 02 chiếc bình ga theo biên bản về việc trả lại tài liệu, đồ vật ngày 28/6/2018. Đến nay chị Bàn Thị L và anh Lý Thành C đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn K là người đã mua chiếc bình ga của Bàn văn L là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại. Nay số tiền 400.000đ do anh Nguyễn Văn K bỏ ra mua bình ga bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Văn K đủ 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Nay anh Nguyễn Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản chi phí nào khác. Viện kiểm sát không đề cập xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với ông Bàn Văn A là bố đẻ của bị cáo là người đã bỏ ra số tiền 3.260.000đ để bồi thường cho trường trung học cơ sở xã T và hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn K tiền mua chiếc bình ga của bị cáo bán đã chi tiêu hết không thu hồi được. Nay ông Bàn Văn A không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị hại chị Bàn Thị X có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) trong đó có 2.200.000đ là tiền mặt; 3.975.000đ là trị giá của 03 bộ nữ trang cưới truyền thống và 1.425.000đ tiền trị giá chiếc kết sắt do bị cáo đã phá hủy không còn giá trị sử dụng. Đối với bị hại là anh Phạm Văn B yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt không thu hồi được là 12.805.800đ (Mười hai triệu tám trăm linh năm nghìn, tám trăm đồng) trong đó có 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền mặt; 750.500đ trị giá của 02 chiếc lắc tay bằng bạc và 55.300đ (Năm mươi năm nghìn ba trăm đồng) tiền trị giá con lợn tiết kiệm bằng thạch cao bị cáo đập vỡ không còn giá trị sử dụng.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm

bồi thường cho chị Bàn Thị X số tiền là 7.600.000đ và bồi thường cho anh Phạm Văn B số tiền là 12.805.800đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn chấp nhận là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc xe máy Wave S màu đỏ sẫm BKS 24Y1-0766; 01 chiếc cuốc chim dài 72 cm, phần lưỡi cuốc bằng sắt dài 42 cm, cán bằng gỗ dài 65,5 cm. Quá trình điều tra xác định tài sản này là thuộc sở hữu của vợ chồng ông Bàn Văn A (Là bố đẻ bị cáo). Tại thời điểm bị cáo dùng xe và cuốc chim để thực hiện hành vi phạm tội vợ chồng ông Bàn Văn A đều không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản trên cho ông Bàn Văn A theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/6/2018. Nay ông Bàn Văn A không có ý kiến gì. Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- 01 con dao phay cán gỗ dài 12 cm có hai khuy sắt đóng ở hai đầu, phần lưỡi dao chỗ rộng nhất 7 cm, đầu lưỡi dao có một lỗ tròn đường kính 01 cm; 01 búa tạ cán bằng nhựa màu xanh có chiều dài 92 cm, đường kính 03 cm, thân búa có kích thước 5cm x 15cm. Quá trình điều tra xác định đây là những tài sản của anh Phạm Văn B mà bị cáo đã dùng để sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội tại gia đình anh. Nay anh Phạm Văn B có yêu cầu nhận lại. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản trên cho anh Phạm Văn B theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 28/6/2018. Nay anh Phạm Văn B không có ý kiến gì. Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 cửa sắt bị cáo Bàn văn L đã dùng để cửa khóa cửa tại trường trung học cơ sở xã T, bị cáo khai sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã vút ở bên trái đường tỉnh lộ 153 trên đường đi lên huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Viện kiểm sát không đề cập xử lý, hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí:

Bị cáo Bàn văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bàn văn L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, r, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bàn văn L 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bàn văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Bàn Thị X số tiền là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) và bồi thường cho anh

Phạm Văn B số tiền là 12.805.800đ (Mười hai triệu tám trăm linh năm nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất chậm trả do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bàn văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 1.020.290đ (Một triệu không trăm hai mươi nghìn, hai trăm chín mươi đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản là 1.220.290đ (Một triệu hai trăm hai mươi nghìn, hai trăm chín mươi đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, các bị hại chị Bàn Thị X, chị Bàn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt các bị hại Phạm Văn B, Lý Thành C, nguyên đơn dân sự. Báo cho các bị hại anh Phạm Văn B, anh Lý Thành C, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- PC 81;
- THA HS - DS (03);
- Bị cáo;
- Các bị hại (4);
- Nguyên đơn dân sự ;
- Lưu HS – TA- VP(03).

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Như Long

